

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

RALPH WALDO EMERSON (1803 - 1882) VÀ VĂN HỌC LÃNG MẠN MỸ

PGS. TS. Lê Đình Cúc

Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam

Anh hưởng của Emerson đối với những người cùng thời ông là vô cùng to lớn. Với tư cách là một nhà thơ, Whitman đã thừa nhận rằng trong một thời gian khá dài, trước những bài viết của Emerson, khiến ông "sôi sục" lòng căm giận. Với cả Whitman và Emily Dickinson, Emerson đã để lại khái niệm về thơ như sức mạnh có thể làm sáng lên thế giới mà chúng ta sống, theo những cách thức mới. Emerson tin tưởng mãnh liệt vào bản chất con người, sự chắc chắn đương nhiên về khả năng xây dựng một cuộc sống hạnh phúc và cao quý của con người, họ thể hiện rõ ảo tưởng bi thương của mình, sự nhận thức không thể xác định được và mâu thuẫn trong kinh nghiệm của con người.

Nếu tư tưởng trung tâm của Emerson không được công nhận ngay khi mới ra đời thì đó là một phần do cách diễn đạt của ông. Ông căm ghét chế độ tư bản Mỹ trên đà phát triển. Ông nghi ngờ những tuyên bố của những người cầm quyền và hết sức lên án sự ngu ngốc và quỷ quái trong một số đầu óc nhỏ nhen. Henry James đã nhận xét: "Có những cung đàn nhất định trong Emerson hoàn toàn không rung". James đã thừa nhận một sự ngạc nhiên đáng mỉa mai ở điều học được (từ tiểu sử của Emerson) rằng Emerson "không thể rút ra được điều gì từ Shelley,

Aristophanes, Don Quixote, Mis Austen, Dickens, rằng ông chưa từng đọc một tiểu thuyết nào và rằng ông không tìm thấy được điều thú vị nào trong Dante". James nói: "Một lời thừa nhận của một người nổi tiếng là lãnh đạm như vậy là vấn đề lớn cần phải xem xét đối với một nhà văn". Nhưng trên thực tế, James tin rằng Emerson "không có khái niệm gì về cái sai... về bóng tối, về cái giả dối, cái cơ bản", ông chỉ có "một nhận thức không nhất quán về những bất thường của tâm hồn".

Trong những bài giảng và bài viết của mình, Emerson đã thể hiện một nhận thức phát triển cao về sự tương phản - hơn bất kỳ nhà văn nào ở thời ông - Emerson nói rằng ông đã vui vẻ lắng nghe "tiếng inh ỏi đình tai nhức óc của các khuynh hướng trái ngược", và không ai chỉ ra một cách thường xuyên hơn đối với hai mặt tồn tại giữa một bên là thế giới, một bên là bản chất và kinh nghiệm của con người. Đó là sự song tồn được phản ánh trong hai lĩnh vực của tâm linh con người - cái mà theo thuật ngữ của Kant, Emerson thường gọi là nguyên nhân và sự lý giải, trong nhu cầu kế tiếp đối với cá nhân và xã hội, và trong khả năng tin tưởng của một cá thể trong vũ trụ (cũng như về Chân, Thiện, Mỹ và Quy luật đạo đức), và nhận thức không ngừng về sự đa dạng

và phong phú. Ông đã viết trong một bài báo năm 1842 rằng: "Tất cả vũ trụ này chỉ có một thứ đó là cái song tồn cũ" và ông cho rằng "thuyết tiên nghiệm" đối với sự "nhận thức song đôi này" đối với "hai cuộc sống, lý trí và tâm hồn, mà chúng ta đang sống" cái mà dường như chưa bao giờ giao nhau hay trùng lặp nhau.

Tuy nhiên, đó là lời lẽ trong các bài giảng và bài luận, và đặc biệt là những bài trước đó: lời lẽ trước bục giảng hay trước công chúng của Emerson. Các bài viết có tính chất cá nhân của Emerson, báo và thơ của ông đôi khi gọi lên một thể thức mới. Ông đã mang một cảm giác đau đớn, chịu đựng, phần là do kết quả của các vụ tai nạn trong cuộc đời ông; và ông đã cảm nhận được sự phá vỡ tâm lý đó là những trống rỗng, thiếu vắng và không tồn tại trong những bản chất nhất định của cá nhân theo quan điểm của nó, có thể góp thêm cho Emerson sau này một nhận thức bi thương. Vì đã có lúc ông tin rằng linh hồn của con người về cơ bản là tự do, rằng lãnh địa của tự do thực sự là ngôi nhà tự nhiên của ông. Emerson đã tiếp tục nhận ra rằng, con người thuộc về lãnh địa của "nhu cầu thiết yếu" và rằng thành tựu tinh thần mà ông đã mơ ước đã không đến với ông.

Emerson sinh năm 1803 trong một gia đình mục sư, nhưng năm 1832, ông thôi giữ chức mục sư ở nhà thờ Second Church ở Boston, khi đó ông 29 tuổi. Hành động đó là sự phá vỡ có tính chất quyết định đối với truyền thống gia đình ông, một gia đình đã mang lại cho khu vực Boston một dòng mục sư, trong đó có bố của Emerson (William) và ông của ông. Mẹ ông (Ruth Ripley) là một phụ nữ lịch thiệp và ngoan đạo - theo lời của chị dâu bà - là người có được "cả một tập hợp những đức tính hiền hòa thân

thiết", và "những nghị lực - những rung động mãnh liệt của tâm hồn... mà mang lại cho cuộc sống tất cả điều thú vị của sự thưởng thức!". Người chị dâu ấy, Mary Moody Emerson, có cả một nghị lực lớn, cả về thể chất và tinh thần, và bà đã gây ảnh hưởng rất lớn đến cậu bé Emerson hơn bất kỳ thành viên nào khác trong gia đình. Emerson đã nói về bác họ mình trong hồi ký hấp dẫn của ông "Bà đã không may mắn khi phải xoay như chong chóng với vận tốc chưa từng thấy". Emerson có thể học được từ Mary Moody đức hy sinh cho sự tự do của con người, bà là người trung thành với chủ nghĩa Calvin và có ảnh hưởng ngày càng lớn đối với cậu cháu trong mỗi bước đi.

Ở Đại học Harvard, nơi Emerson tốt nghiệp vào năm 1821, ông đã từng có sự nghiệp tệ nhất. Ông học kém, đứng hàng thứ 30 trong một lớp 59 sinh viên. Thời kỳ ở đại học, bạn bè gọi ông là Waldo. Ở trường, ông đọc các tác phẩm của Platon và những người theo chủ nghĩa Platon và Montaigne - các bài viết nuôi dưỡng hai thiên hướng phát triển của Emerson, thiên hướng lý tưởng và thiên hướng thực tế, ông nghiên cứu luật đạo đức phổ thông và là người quan sát các đặc trưng và cuộc sống đương thời. Sau khi học xong đại học, ông đã chuyển nghiên cứu thần học, bắt đầu giảng đạo năm 1826. Và tháng 3 năm 1829, ông là mục sư cấp dưới được phong chức ở nhà thờ Second tại Boston, với mong đợi sớm trở thành mục sư bậc cao khi Henry Ware về hưu. Nhưng suốt thời gian ấy, ông đã dày công nghiên cứu giáo phái chính thống.

Emerson rất tâm đắc với quan niệm cho rằng Đức Chúa có mặt trong mọi sự vật, từ bông hoa mỏng manh đến những vì sao vĩnh hằng. Thậm chí trong cái xấu xa, làn mây đen bao phủ lên khắp thế gian, chúng ta vẫn nhận ra những tia sáng và hy vọng,

và trong nỗi chịu đựng ấy, dần đi đến nhận thức được sức cảm dỗ, sự thử thách và mục đích lý tưởng về tình yêu và kiến thức.

Năm 1829, Emerson đã cưới Ellen Tucker, một cô gái ở tuổi 17 giàu nữ tính, thông minh, tài năng. Nàng là niềm say mê trong cuộc đời ông; ông đã viết về bà: "Tôi say đắm về sự đáng yêu của em; mê muội với vẻ đẹp ngọt ngào của em". Chỉ không đầy 2 năm, bà đã qua đời vì căn bệnh lao phổi. Nhiều tháng tiếp sau đó, Emerson đi lại dạo quanh mộ bà mỗi buổi sáng, và vào một buổi sáng năm 1832, ông kéo bật nắp quan tài của bà. Ngay sau đó, ông đã đọc lời cầu nguyện mà trong đó ông đã tuyên bố rằng lời thề của lễ ban Thánh thể không có hiệu lực gì trong Kinh Thánh hay bất kỳ ở đâu. Ông ngoại ông đã đưa ra nhận định rằng: Emerson đã bị mất trí.

Emerson chỉ phần nào hồi phục lại sau cái chết của Ellen một thời gian dài, và theo một nghĩa nhất định nào đó, thì có lẽ ông không bao giờ hồi phục hoàn toàn từ cú sốc ấy - hoặc ít nhất từ điều mà sự kiện ấy đã báo cho ông về số mệnh như ông đã viết cuốn *Sự tự tin vào bản thân* (1832).

Bằng ngôn ngữ trực tiếp mượn từ Emerson, James đã tự khuyên răn mình gắn bó với số phận, và ông cho rằng bị kịch là ở trong tim chúng ta, hãy đối mặt với nó, và đấu tranh đến hơi thở cuối cùng - một lời giải thích trong lời xác nhận trung thực của Emerson trong *Số mệnh* (*Fate*): "Đây là công dụng tốt nhất của số mệnh để giáo dục lòng dũng cảm vượt lên số mệnh, con người là một phần trong đó và không thể đối chiếu số mệnh này với số mệnh khác". Đó là sự củng cố tinh thần theo kiểu mà James đã công nhận trong tác phẩm của ông *Lời phát biểu tại lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Emerson ở Concord* vào năm 1903,

khi ông biểu dương Emerson như người cổ vũ và động viên cho tuổi trẻ của ông, và mừng tượng ra ông như sự tiến bộ vững chắc "chống lại cái chết và lãng quên".

Sau đây là những câu được ông giảng ở gần cuối của tác phẩm *Tự nhiên* (*Nature*) (1836):

"Khó khăn của việc khôi phục lại cái đẹp vĩnh hằng và nguồn cội của thế giới được giải quyết bằng sự sám hối của linh hồn. Sự phá hủy hay trống rỗng mà chúng ta thấy được khi nhìn vào tự nhiên, là ở trong quan điểm của chính chúng ta. Trục xoay quanh của cảm quan không trùng với trục quay của sự vật, và do vậy chúng ta dường như không trong sáng mà vẫn đục. Lý do tại sao thế giới thiếu sự hợp nhất, và vỡ vụn và chất thành đồng, là do con người cũng không hợp nhất với chính bản thân anh ta".

Có khi linh hồn hợp nhất là cái mà Emerson coi là "linh hồn tích cực", khẳng định nó sẽ là "một hiện tượng trong thế giới" có giá trị. Các hoạt động của linh hồn ấy, như đã được giới thiệu trong trình tự của tự nhiên. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận thấy hai chức năng đặc biệt - các chức năng về cái mà chúng ta có thể gọi là "hành động tưởng tượng". Hành động ấy là "hòa hợp": quan sát nhiều, sự quan sát sắp xếp chúng lại thành cái đơn lẻ. Trong *Tự nhiên*, trong lời kết luận tâm đắc, Emerson đã thảo tỉ mỉ lời thuyết phục này cho đến khi ông quan sát được vẻ tôn vinh của toàn bộ thế giới như một chỉnh thể cuối cùng bằng tâm nhìn của con người đã được khôi phục: "tất cả những thể hiện bề ngoài khó chịu, con lợn, con nhện, rắn, tai họa, nhà thương điên, nhà tù, kẻ thù sẽ biến mất quá nhanh; chúng là hiện thời và sẽ không nhìn thấy nữa".

Thậm chí Emerson hiếm khi đạt được niềm tin tốt đỉnh bằng khả năng

của con người. Tuy vậy, trong *Các vòng luân hồi* (1841), có lẽ ông đã vượt xa khả năng của bản thân. Thực tế *Các vòng luân hồi* là một bài luận nhấn mạnh về nhu cầu của linh hồn và khả năng tiến xa hơn nữa vào lĩnh vực chưa được biết đến nó, đôi khi với giọng điệu hùng biện bột phát, để thúc đẩy nhanh đến thời khắc hay giai đoạn tìm hiểu mà nó có thể đạt tới.

Ông cho rằng cuộc sống của con người là một vòng luân hồi tạo ra cái tôi từ một vòng tròn rất nhỏ giãn rộng ra chung quanh thành những vòng mới lớn hơn, và không ngừng mở rộng. Độ rộng mà thế hệ vòng luân hồi này, vòng nọ ở ngoài vòng kia, sẽ đạt tới phụ thuộc vào sức mạnh hay chân lý của linh hồn cá thể.

Năm 1837, sau sự ra đời của cuốn *Tự nhiên*, Emerson đã đưa ra *Lời phát biểu* hàng năm ở Đại học Harvard phản ánh bản chất và vai trò của "học giả Mỹ". *Lời phát biểu* đã được đông đảo mọi người hưởng ứng ngay khi tuyên bố văn học độc lập với thế giới cũ, một kết quả mang tính văn hóa của nền độc lập chính trị đã từ lâu mong đợi. "Sự gọi lại của nó đối với sự tưởng tượng của tự nhiên đã tạo nên nhiều điều: Chúng ta đã nghe quá nhiều về thơ châu Âu. Linh hồn của con người tự do Mỹ đã bị nghi ngờ là nhút nhát, buồn tẻ và giả tạo... chúng ta sẽ đi bằng đôi chân của mình; sẽ làm việc bằng đôi bàn tay và sẽ nói chuyện bằng khối óc". Emerson cho rằng học giả "là người đứng lên được nhờ những mối quan tâm của cá nhân cũng như thờ và sống được nhờ những tư tưởng nổi tiếng và mạng tính chất xã hội. Học giả là con mắt quan sát của thế giới; là trái tim của thế giới". *Lời mô tả* đáng chú ý ấy - học giả như con tàu chở nhận thức và lòng thương cảm cho những người tiếp bước mình - có lẽ được đánh giá tốt

hơn nếu chúng ta nghĩ đến khuynh hướng thường xuyên của các khái niệm thông thường về các "trí thức hợp thành tổ chức", đánh giá thấy cuộc sống trí thức như một chủ đề về tài năng trí tuệ không hợp lý, hoặc nguy hiểm cho nhu cầu trước mắt của khoa học vì mục đích thương mại. Đồng thời người ta cũng nhận ra sự nhấn mạnh của Emerson về bản chất dân chủ của học giả Mỹ (những tài năng thơ của châu Âu "tao nhả" hoặc mang tính quân chủ) mà ông đề cập cùng với "cái chung,... cái thông thường và cái thấp kém, lòng kính trọng của ông đối với một con người riêng lẻ".

Tháng 7 năm sau, Emerson đã nói chuyện với lớp sinh viên tốt nghiệp của trường Dòng Harvard, và đã làm khuấy động tổ ong này khi ông đề cập đến đạo Cơ Đốc truyền thống và lịch sử cũng như chống lại cái "ý thức đạo đức" bẩm sinh trong mỗi con người làm thức tỉnh tư tưởng chính thống. Điều này dường như đe dọa những nền móng của toàn bộ các giáo phái. Ngay phút bắt đầu, lời phát biểu của Emerson đã dẫn dắt người nghe theo trực giác thần học bằng việc để cho quan điểm của ông thể hiện một cách trang nhã từ cái đẹp của vật chất trước mắt đến lãnh địa của các "luật lệ tôn giáo". Trong các bài viết của Emerson, có thể hiểu được theo nghĩa "đi lên thiên đàng bằng một cánh" - làm nổi bật quan điểm của một người bằng quan điểm từ trực giác đến cái nhìn thoáng qua thiên đàng của sự sinh động như một vở kịch biện chứng, như chiếc cánh lay động của trí tuệ. Emerson đã buộc tội các nhà tư tưởng truyền thống đã đưa ra cái mà giờ đây chúng ta gọi là "cái chết của Chúa Trời"; "Con người đã đi đến kết luận về cái mà đã từ lâu được đưa ra và kết luận, như thể là Chúa đã

chết". Với những tư tưởng ấy, Emerson đã phải trả giá.

Những tín đồ Tin Lành ngay lập tức vô lấy Emerson còn giận dữ hơn cả những tín đồ Nhất thể. Các tín đồ Nhất thể đã cảm nhận sự lãng nhệch kỳ dị ấy, rằng những người theo chủ nghĩa tự do đã luôn cảm thấy thế hệ sau họ đẩy họ vào sự tự do tư duy (trong bất kỳ lĩnh vực nào), dường như xem họ là kẻ thù hơn những người bảo thủ. Những người theo chủ nghĩa tự do đã lấy làm tự hào khi li khai khỏi nhóm đó. Andrews Norton của Đại học Harvard, một học giả nghiên cứu về Kinh Thánh vừa bảo thủ lại vừa gây ảnh hưởng, bị gán cho "hình thức mới nhất của sự không tin vào đạo Thiên Chúa", và Emerson ở chỗ khác lại bị lên án như một người theo thuyết vô thần, một người theo thuyết phiếm thần, kẻ đồi bại của tầng lớp trẻ. Nathan Hale, Jr. "muốn đá dít tất cả các mục sư đã mời Emerson đến nói chuyện"; một quý ông khác bắt tất cả những người New England "cảm ghét và ghê tởm Emerson như một con chó dại". Emerson không được mời trở lại Đại học Harvard trong vòng 40 năm.

Nhân vật Emerson lý tưởng được phân thành ba. Ông không chỉ là một học giả (hay nhà tiên tri), nhà thuyết giáo (hay người truyền cảm hứng cho người khác), mà ông còn là một người phát ngôn (sayer); và là một nhà văn, nhà thơ. Con người nhà thơ của Emerson trước hết là một nhân cách dân chủ; một người đại diện cho khuynh hướng mới của nền thơ ca Mỹ. Emerson đã đưa đến cho con người sự giàu có của việc hiểu thấu bên trong của các sự vật và của tâm hồn con người, đó chính là di sản chung của tất cả mọi người. Và ông làm điều này bằng cách khai thác các nguồn lực tưởng tượng và tinh thần ẩn giấu bên

trong của chính bản thân mình - "bằng việc mở cửa cho tâm hồn con người với bất kỳ nguy hiểm nào". Emerson khẳng định "Các nhà thơ do vậy mà giải phóng Chúa. Con người đã thực sự có được nhận thức mới, và đã tìm thấy trong thế giới của họ một thế giới khác, hay nơi ẩn náu của các thế giới; vì một khi đã nhận ra sự biến hoá; chúng ta tiên đoán rằng nó không ngừng phát triển".

Nhà thơ là người thay đổi các sự vật, hay nói đúng hơn là sự nhận thức của con người về các sự vật. Thơ của ông là một hành động biến hóa của sự biến dạng; thực ra chính nhà thơ là người có thể mang lại một cách tốt nhất cuộc cách mạng tri thức, để tìm kiếm được "mức độ nhận thức cao hơn" thông qua các phương tiện nghệ thuật. Niềm khao khát mở cửa tâm hồn là lý do, Emerson đã quan sát: " Tại sao các thi sỹ lại thích rượu vang, rượu pha mật ong, chất nicôtin, cà phê, trà, thuốc phiện, mùi hương thơm của gỗ đàn hương và thuốc lá... Đó không phải là sự truyền cảm mà chúng ta có được nhờ chất nicôtin mà là sự giận dữ hay hân hoan giả tạo của nhà thơ được bộc lộ qua xúc tác của những thứ ấy".

Trong những bài viết đầu những năm 1840, Emerson đã thừa nhận rằng ông "đã tìm kiếm một cách vô vọng nhà thơ mà tôi mô tả". Nhà thơ thực sự giống như một con người thực, xuất hiện trong *Tự nhiên* chỉ là một hình ảnh nhỏ bé của cái tôi hay tiềm ẩn của anh ta. "Chúng ta chưa có một tài năng ở Mỹ". Khoảng hơn một thập kỷ sau khi tập thơ *Nhà thơ (Poets)* được xuất bản, thông điệp của Emerson truyền cảm hứng cho Whitman, sẽ tập trung ngôn ngữ của nó cho lời tựa của lần xuất bản đầu tiên của *Lá cỏ*, và Emerson lập tức nhận ra sự soi rọi của văn học Mỹ mà ông đã mong đợi.

Nhà thơ được đưa vào tập *Những bài luận (Essays)* năm 1844, một tập tiểu luận củng cố danh tiếng của ông, ở ngay nước Mỹ và cả ở nước ngoài, với những lời thơ giàu sức truyền cảm nhất mà chưa từng được nghe thấy ở lục địa này. Tuy nhiên, khi chúng ta nhận ra trong sự hồi tưởng quá khứ, lòng tin của Emerson vào khả năng hội tụ của cái tôi của con người đang ở đỉnh cao nhất, ta cũng biết được sự sáng tạo và mở rộng hơn đã qua rồi, và những ngày mù mịt hơn đang ở phía trước. Năm 1844, Emerson đã tiến đến việc hoàn thành phong cách văn học của mình.

Phong cách văn học của Emerson thật dễ thương thức, được bạn đọc hồ hởi đón nhận; tuy nhiên, lại khó phân tích đến lạ thường. Ông là nhà văn của câu chữ về cơ bản. Điều này là thực tế xét về phương diện văn học, trong đó *Tiểu luận* của ông là các bài giảng của mình ở trường đại học được chữa lại, bổ sung thêm. Các bài báo là những hình thức tự sự mà chú ý nhấn mạnh cá nhân dường như quá mạnh mẽ, và hấp dẫn, trong các buổi trình bày trước công chúng. Tuy vậy, Emerson cũng vẫn là một nhà văn. Tác phẩm của ông mang đặc trưng tháo gỡ hàng rào cách ngôn của "những câu tục ngữ", đa dạng về những điều kiện của con người và khát vọng, làm cô đọng từng mẫu kinh nghiệm trong đặc trưng của các bài luận của Francis Bacon".

Tiểu luận của ông mang phong cách ngắn gọn, trong sáng và gây tò mò. Có thể được nhận thấy không chỉ ở những cuốn sách phân loại mà Emerson liệt kê, mà còn cả nghệ thuật giảng kinh ở New England. F. O. Matthiessen đã nhận xét trong bài phân tích nghiên cứu về phong cách của Emerson: "Ông tin rằng nhà hùng biện vừa có thể nói sâu sắc hơn lại

vừa có thể nói trực tiếp hơn với con người, phá vỡ đi những mặt hạn chế của họ, kéo họ qua những rào chắn của chính họ, mang đến cách thức rõ ràng cho những suy nghĩ lộn xộn của chính họ, khiến họ ngập trong một điều ngạc nhiên rằng cái thời khắc này của cuộc sống thật là đẹp đẽ".

Nếu Emerson về cơ bản là nhà văn thiên về câu chữ, thì có lẽ ông còn là nhà văn thiên về từ; và từ theo ông xác nhận trong *Tự nhiên* là "những ký hiệu của các hiện tượng tự nhiên". Ông giải thích tiếp, các hiện tượng tự nhiên nói chung - thường xuyên hơn mức ông mong đợi. Trí tuệ của Emerson đã vượt xa những hiện tượng tự nhiên để đi vào thế giới tinh thần, để lại các hiện tượng tự nhiên ở phía sau. Tuy nhiên, ông luôn luôn yêu thích các từ ngữ gắn với những đặc tính, có sức sống và sự hùng hồn mạnh mẽ. Năm 1840, ông tự nhủ: "Tôi bằng lòng thú nhận từ lối tu từ châm biếm của lời thề thốt chắc chắn từ miệng của những người kéo xe. Nó thật sôi động và sức tích mặc dù chúng phải ở bên lề của tạp chí *North American Review*. Bỏ đi những từ này và chúng chảy máu; chúng có mạch máu và vẫn sống; chúng đi và chạy được". Thật ngẫu nhiên lối giải thích ấy đạt được trong cách sử dụng cơ bản của Emerson: các câu đó sau này được kết hợp với nhau thành một bài giảng về Montaigne, chỉ vài năm sau đó xuất hiện ở cuốn *Những người đại diện năm 1850*.

Đối với Emerson, các từ riêng lẻ được kết hợp dễ dàng thành các câu riêng lẻ: vấn đề lớn hơn nữa đó là liên kết các đoạn thành văn bản hoàn chỉnh. Bất kỳ sự đánh giá nào về thành công của Emerson trong lĩnh vực này đều gắn với lý thuyết Mỹ học và tạo điều kiện cho tư tưởng cổ điển chống lại tư tưởng lãng mạn. Theo

Mathiessen thì Emerson đang tìm kiếm cho chính mình một hình thái không ranh giới của ngôn ngữ, khác với những ý nghĩa cổ điển. Tư tưởng của Emerson đã từ chối các nguyên tắc logic chỉ đạo để phát triển nên một quan điểm logic, để đưa ra một học thuyết mang tính thực tiễn cao. Nói một cách đầy đủ, nó không thiên về các quan điểm mà thiên về trực giác, để hướng tới một sự nhận thức trong sáng có tính sáng tạo cho ngôn ngữ. Tuy nhiên, không giống với việc xây dựng hệ thống trong các bài luận, hoặc sự mở rộng có tính logic trong các đoạn văn, người ta cảm nhận được trong đó có một sự thúc giục mạnh mẽ và sự nhanh nhẹn của tinh thần, giờ đây bị dẹp sang bên, tiến lên, di chuyển một cách mạnh mẽ lên cao và hình thành nên một thông điệp, một mệnh lệnh. Chúng ta hãy xem xét đoạn nổi tiếng nhất trong *Lòng tự tin*:

"Hãy tin vào chính mình: trái tim làm rung động được sợi dây sắt. Chấp nhận vị trí mà thượng đế đã tìm ra cho bạn, cho xã hội của những người cùng thời với bạn và sự liên kết các sự kiện. Những người vĩ đại thường làm như vậy, và tin tưởng vào chính mình đối với tài năng của thời đại mà họ sống, để lộ ra nhận thức rằng đó là những điều hoàn toàn đúng, đáng tin tưởng được. Họ làm việc thông qua đôi bàn tay mình. Họ chiếm ưu thế hơn trong sự sống. Và chúng ta giờ đây là những con người, và phải chấp nhận ở trạng thái tinh thần cao nhất theo số mệnh. Tương tự, chủ nghĩa tiên nghiệm không phải là những trẻ nhỏ và những người tàn phế ở một nơi cần được bảo vệ, mà không hèn nhát bỏ chạy trước cuộc cách mạng, mà là hướng dẫn, những người cứu thế, những người làm việc thiện, tuân thủ nỗ lực tối cao và tiến bộ trong cái thế giới hỗn độn và tăm tối".

Hai mệnh lệnh, dường như trái ngược nhau; hãy tin tưởng vào chính mình, và hãy chấp nhận và tin tưởng vào môi trường cá nhân và lịch sử mà đáng tối cao đã đặt bạn trong đó, xem qua "những người vĩ đại" họ đã mang lại "tài năng của thời đại mà họ sống".

Có người cảm nhận kích cỡ và thậm chí là hình dáng của một bài luận của Emerson phụ thuộc vào lượng thời gian ban đầu định ra cho ông trong phòng thánh giả và phụ thuộc vào sự phong phú của sức thúc bách đã đi vào bài luận. Khi thời gian đã hết, hoặc sức thúc bách đã vơi đi, bài luận đi vào phần kết. Tuy nhiên, các bài luận của ông có thể được đánh giá là những tác phẩm văn học nghệ thuật hoàn chỉnh. Emerson gần như là một nhà văn, nhà thơ vô địch trong tiếng Anh. Thơ văn ông làm trí óc nhanh nhẹn thách thức trí tưởng tượng. Ở đây là một tập hợp ngẫu nhiên của các câu đó, mỗi câu được sử dụng cho mục đích làm đảo lộn hoặc làm cho trở nên linh hoạt, và khi chúng được đặt cạnh nhau, phản ánh sự khác biệt của Emerson đối với tính nhất quán.

Có lần Emerson nói rằng ông không phải là "đối tượng tốt cho bản tự truyện". Và cuộc sống vẻ bề ngoài của ông thực sự có nhiều sự thay đổi. Ông đã trở thành nhà du giảng nổi tiếng đầu tiên ở Mỹ. Ông giảng bài ở các sân công cộng ở ST. Louis, Byalo, và Pittsburg, sau đó ở Canada và Trung Tây, cuối cùng là California và dọc bờ biển phía Tây. Do vậy, ông đã thực hiện vai trò của một học giả Mỹ trung thành, bày tỏ những lời lẽ mà ông tích lũy được đối với từng mảng lớn của xã hội Mỹ (mặc dù trong những trường hợp, sau khi truyền đạt xong một thông điệp đặc biệt gây kích động, ông thú nhận đã được nghe một giọng nói - giọng nói của chính ông -

thì thâm bên tai ông "tại sao lại quá nóng nảy, con người nhỏ bé"?)

Cuộc đời thực của Emerson là một sự hướng nội, cuộc sống của tư duy con người. Có lẽ khoảnh khắc buồn nhất trong cuộc đời của cá nhân là cái chết của con trai ông, Waldo, vào năm 1842. Sự kiện này khiến Emerson thay đổi chủ nghĩa lý tưởng đáng tin cậy ngay những năm đầu sự nghiệp của ông.

Trong giai đoạn 1832 -1841, giai đoạn nổi tiếng nhất về các lời phát biểu và tác phẩm, Emerson đã thăng thấn thể hiện niềm tin cao độ về sự tự do của tâm hồn và sức mạnh của nó, để tấn công mạnh mẽ hơn vào điều huyền bí của sự tồn tại và hướng chính bản thân tâm hồn về một hành vi đạo đức mạnh mẽ hơn. Sự tranh giành cái thiết yếu như một hiện tượng trong các hoạt động xã hội hàng ngày, đã được thừa nhận trong thời kỳ này, nhưng gần như nó là cái thiết yếu bề ngoài của cái tôi, một cái thiết yếu không cần thiết mà một tâm hồn mạnh mẽ có thể vượt qua. Đây chính là Emerson và thế hệ ông đã nhận ra, chính vì vậy mà chúng ta gặp Emerson trong mọi cuốn lịch sử văn học Mỹ. Do vậy mà hình tượng nhân vật đã được dựng lên ấy phải thay đổi lời văn, kể từ năm 1842 trở đi. Trong những ngày đầu, trước cái chết của con trai, có lẽ là do gánh nặng buồn bã đè nặng lên vai Ellen, chúng ta cũng hiểu tại sao Emerson bắt đầu thừa nhận cái thiết yếu và số phận của mỗi con người trong cái thế giới này.

Qua những thập kỷ sau này của cuộc đời ông, khi tinh thần của Emerson bảo đảm chắc chắn về năng lực tư duy và tưởng tượng của bản thân ông. Trước hết, ông đã tuyên bố quan điểm của mình và tạo không khí chung cho *Kinh nghiệm, Số phận, Montaigne: hoặc điều hoài nghi*. Đó là lúc Emerson ở vị trí cao quý và dũng cảm nhất.

Với tác phẩm *Nước Pháp, hoặc (France, or)* (1854) và trong một cuốn sách nhỏ ông viết sau chuyến đi tham quan dài ngày tới nước Anh, ông đã phân tích sâu sắc các nét tính cách của người Anh. Quan trọng hơn là qua sự phân tích ấy, Emerson đã rút ra được những đặc trưng tính cách của người Mỹ yêu tự do, dân chủ, yêu lẽ phải công bằng nhưng lắm khi cũng kẻ cả, trịch thượng. Một trong những tính cách ấy thể hiện trong sự phân biệt chủng tộc.

Lòng căm thù tổ chức xã hội nô lệ đã từ lâu nung nấu, cũng như lòng căm thông sâu sắc của ông đối với những người da đen (Negro) ở khắp nơi - ông mong cho họ được tự do và giàu có, tuy phải đạt được bằng mọi cách, cách nào cũng chấp nhận được. Ông đã viết trong bài báo của mình năm 1838: "Họ chưa bao giờ đi mà không chịu sự chửi rủa". Người vợ thứ hai của ông Lydian, thậm chí còn mang nhiều tư tưởng của một người chống chế độ nô lệ hơn ông và thực sự giúp ông tập trung vào sự nghiệp. Vào những năm giữa thập kỷ 40, ông giảng về hành động giải phóng nô lệ ở vùng đất của người da đỏ phía Tây, và kết thân với người ủng hộ xóa bỏ chế độ nô lệ kịch liệt nhất, William Lloyd Garrison. Thỏa hiệp năm 1850 và luật nô lệ chạy trốn cùng năm ấy trở thành sự kiện cuối cùng. Luật nô lệ chạy trốn được Emerson mô tả như một "điều luật xấu xa" mà ông hoàn toàn không tuân theo: Khi giảng về bộ luật này ở Concord, ông thuyết phục mọi người mua tự do cho các nô lệ Mỹ da đen. Trong khi John Brown đang chờ đợi án xử (và hành quyết) vào cuối năm 1859, Emerson đã chào đón ông như "Đức thánh, tất cả số phận của người vẫn còn treo lơ lửng, nhưng nếu người được tử vì đạo thì người sẽ bước những bước lớn về vang như cây Thánh giá của Đức Chúa".

Nhưng nếu Emerson là một trong số các nhà cải cách ở New England, thì bản thân ông cũng luôn ngờ vực những phong trào cải tổ có tổ chức. Ông đã kịp phanh lại thuyết chống chế độ nô lệ của mình, và ông đã tự nhủ trong một bài báo rằng: "Tôi còn có nhiều nô lệ khác cần được giải phóng hơn những nô lệ da đen, đó là những tâm hồn và tư tưởng bị tù túng". Cuối những năm 1850, Emerson đã ngẫu nhiên đọc chút ít về Karl Marx nhưng tinh thần quả quyết và giàu lý tưởng của ông khó lòng gò mình để chấp nhận, hoặc thậm chí là để tìm hiểu các học thuyết của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa tập thể. Về vấn đề quyền phụ nữ - vấn đề xã hội lớn nữa, cùng với vấn đề nô lệ, trong những năm thời kỳ tiên chiến, Emerson về cơ bản đã hưởng ứng: "Tôi phải bỏ phiếu ủng hộ quyền bầu cử công khai cho tất cả phụ nữ - bỏ phiếu ủng hộ rằng họ phải được nắm giữ tài sản, và bỏ phiếu, tán thành và để họ có thể được làm việc ở các công sở như nam giới (nhưng) tôi không mong muốn phụ nữ có khát vọng về chính trị, hoặc giả là như vậy". Bài giảng *Các nhà cải cách ở New England* của Emerson chứa đựng những thái độ trái ngược nhau của ông trong những vấn đề này. Ông đã trách móc các nhà lý tưởng chủ nghĩa đã tách mình ra khỏi cuộc sống, ông đã nhấn mạnh thêm cái thiết yếu phải được nâng lên ở mức cao hơn, rằng con người có thể phủ nhận xa hơn so với nỗi sợ hãi hiện tại của mình và hy vọng những điều tốt đẹp bên kia thiên đàng. Ông đã cảm thông với những thúc bách đặng sau những phong trào đổi mới đầy xung đột ở thời kỳ ông sống.

Nhóm bạn bè của riêng ông, trong những năm 1840 và 1850 bao gồm những nhà văn tài hoa lỗi lạc của nước Mỹ, những người đã mang lại cái

mà F. O. Matthissen gọi là phong trào *Phục hưng văn học Mỹ*, Henry David Thoreau là bạn và hàng xóm của ông, đôi khi là khách chơi nhà ông; bà Emerson thường mang cho Thoreau bánh nướng khi ông đang sống ở Walden Pond. Ngay sau khi Thoreau mất vào năm 1862, Emerson đã viết một bài diếu văn tưởng niệm ông, khen ngợi tình yêu của ông đối với thế giới vật chất thiên nhiên (ông biết đến nông thôn như một con cáo hoặc một con chim), và tình yêu chân lý. "Ông là người nói và hành động thực sự, được sinh ra như vậy, và đi vào các tình huống kịch từ sự nghiệp này"

Hawthorne là một láng giềng ở Concord trong vài năm, nhà của ông ở đối diện với nhà của Emerson. Emerson đã nói với Sophia Hawthorne, trong một bức thư chia buồn sau cái chết của chồng bà mùa xuân năm 1864: "Ông ấy luôn là niềm hy vọng đối với tôi, và tôi hứa với chính mình về một tương lai giàu có trong việc gặt hái thành tựu trong một ngày nào đó, khi chúng ta, ít bạn tâm đến sự giao thiệp bực trực ở ông. Khi dường như đối với tôi ông luôn giỏi hơn về cách trình bày, tôi coi sự ảnh hưởng chưa được nói ra này như một sự bảo đảm cho cuộc sống lâu dài".

Về phần mình, Hawthorne cũng đã thừa nhận rằng ông đã không ở nhóm của Emerson, nhưng với ông những cuộc gặp gỡ không thường xuyên ấy thật khó quên. "Thật tốt khi gặp ông trên những con đường rừng, hoặc đôi khi trong đại lộ của chúng ta, với tia sáng trí tuệ thuần túy ấy tỏa ra xung quanh sự hiện diện của ông, giống như cái vỏ bọc ngoài của vật chiếu sáng".

Trong cuộc Nội chiến, Emerson đã bị cuốn hút bởi phong trào chống chế độ nô lệ và tôn giáo cho sự nghiệp miền Bắc. Ông rất tích cực ở cả chiến trường Concord cũng như Washington, nơi ông đã gặp Lincoln. Năm 1870, ông lại được mời đến giảng ở Harvard; ông đã trình

bày một chương trong *Lịch sử tự nhiên của trí thức*. Một trong những bài chỉ trích cay độc nhất của ông sau là tác phẩm *Những điều ghi chép về cuộc sống và các bức thư của New England*, trong đó như một phát ngôn viên có tuổi đã xem lại thời kỳ nở rộ nhất trong cuộc đời của mình. Tài năng của Emerson bắt đầu suy sụp vào những năm 1870, sự suy sụp một phần là do vụ hỏa hoạn gây thiệt hại lớn trong ngôi nhà của ông năm 1872. Ông mất tháng 4 năm 1882.

Hình tượng dũng cảm và hòa nhã của Emerson, một nhân vật mà chúng ta đã gặp trong các sách lịch sử triết học Mỹ, ở đây dường như đã xuất hiện thoáng qua, lúc thì như người truyền bá lòng tự tin, lúc thì lại như nhà quan sát chuyên nghiệp đặc trưng của thời đại ông (cả hai vai trò ấy thuộc về ông). Ông là một nhà văn mà những ý kiến của ông cần phải được xem xét một cách nghiêm túc. Trong số các nhà văn và triết gia chuyên nghiệp ở đất nước này những người đã đối mặt với Emerson (đặc biệt là Nietzsche, đã rất kính trọng ông), thì George Santayana là người khắt khe nhất. Santayana đã viết khá nhiều bài báo và sách để phủ nhận danh hiệu "nhà hiền triết" đối với Emerson. Santayana cho rằng: "Cuối cùng, Emerson không có một học thuyết nào cả. Không giống như Platon hay Aristot, ông còn xa nữa mới trở thành bậc thầy về nghệ thuật và khoa học của cuộc sống". Santayana không thừa nhận Emerson; ông cho Emerson là một sự tái phát và là người tạo nên hình ảnh của trí tuệ hoàn toàn là của chính ông. Tuy thế, Santayana là một trong những người đầu tiên hiểu được rằng, điều thu hút tâm trí Emerson nhiều nhất chính là sự tưởng tượng - "tưởng tượng thực sự là chủ đề duy nhất của ông"; và ông ca ngợi tính

trung thực khiến trí tưởng tượng của Emerson gắn gũi với kinh nghiệm. Tuy nhiên, Santayana kết luận, nó không phải là tính sáng tạo của tư duy Emerson.

Đối với John Dewey, nhà tư tưởng này thừa nhận Emerson là "một công dân của thế giới mới xứng đáng để tên tuổi của ông nhắc đến cùng với tên tuổi của Platon". Emerson có tầm quan trọng lớn lao đối với Dewey, và cũng ở một số khía cạnh nhất định, ông đã đến với William James với tác phẩm và những yếu tố cấu thành cơ bản nên cái mà James gọi là chủ nghĩa giáo điều. Và cái Dewey gọi là thuyết công cụ, theo hai ông, đó chính là một vấn đề chỉ ra mọi vật, mỗi học thuyết cổ điển và hiện đại, "cho cuộc sống trước mắt", theo lời Dewey, Dewey cảm thấy, duy nhất chỉ Emerson mới có thể khiến người ta tin điều đó.

Hình tượng Emerson mà các độc giả bàn luận bởi những bài phân tích của ông về những phong trào tư tưởng sôi động trong xã hội và văn hóa xuất hiện, trong tác phẩm *Nhà tiên nghiệm* - những bài luận đó, để có được hiệu quả triệt để, cần được đặt cạnh *Các nhà cải cách New England*. Tài năng của Emerson về việc xem xét và đánh giá tài năng của các cá nhân được trình bày trong *Thoreau*, nhưng tài năng ấy lại không được thể hiện rõ trong các bài luận về Montaigne, về Napoleon, và Shakespeare. Bên cạnh giá trị tư tưởng và triết học, chúng ta không thể quên những tác phẩm mang tính văn chương rất đậm nét, dù được viết dưới dạng tiểu luận bàn về *Tín ngưỡng, Sức mạnh, Số mệnh, Tài sản...* Emerson mất năm 1882 sau khi đã đạt được những vinh quang của một nhà triết học, một nhà văn có nhiều thành tựu cả trong lý luận và sáng tác văn học ■